

## ĐẠY HỌC TÍCH HỢP TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG AUSTRALIA

NGUYỄN KIM HỒNG\*, HUỶNH CÔNG MINH HÙNG\*\*

### TÓM TẮT

*Chương trình tích hợp là đặc điểm then chốt của nền giáo dục Australia hiện nay. Bài viết tìm hiểu sự phát triển của dạy học tích hợp trong trường phổ thông, đồng thời trình bày các mô hình dạy học tích hợp, so sánh chương trình dạy học tích hợp với dạy học truyền thống và bàn luận về các ứng dụng thực tiễn của chương trình tích hợp trong nền giáo dục Australia.*

**Từ khóa:** chương trình tích hợp, mô hình đa môn, mô hình dựa trên chuỗi vấn đề, mô hình dựa trên chủ đề.

### ABSTRACT

#### *Integrated teaching in Australian Schools*

*Integrated curriculum is a key characteristic in current Australian education. The paper investigates the development of integrated teaching in Australian schools. Also, this paper presents some curriculum models for integration, compares integrated and traditional curricula, and discusses the practical applications of integrated curricula in Australian education.*

**Keywords:** integrated curriculum, interdisciplinary model, problem-based model, theme-based model.

### 1. Cơ sở lí luận

#### 1.1. Định nghĩa

Trên thế giới và tại Việt Nam, dạy học tích hợp đã trở thành một trào lưu sư phạm hiện đại. Tháng 9-1968, “Hội nghị tích hợp về việc giảng dạy các khoa học” đã được Hội đồng Liên quốc gia về giảng dạy khoa học tổ chức tại Varna (Bungari), với sự bảo trợ của UNESCO. Hội nghị nêu ra hai vấn đề là vì sao phải dạy học tích hợp và tích hợp các khoa học là gì [3]. Theo đó, dạy học tích hợp được UNESCO định nghĩa như sau: “*Một cách trình bày các khái niệm và nguyên lí khoa học cho phép diễn đạt sự thống nhất cơ bản của tư tưởng khoa học, tránh nhấn quá mạnh hoặc*

*quá sớm sự sai khác giữa các lĩnh vực khoa học khác nhau*” [3]. Định nghĩa của UNESCO cho thấy dạy học tích hợp xuất phát từ quan niệm về quá trình học tập hình thành ở học sinh (HS) những năng lực ở trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Quá trình dạy học tích hợp bao gồm những hoạt động tích hợp giúp HS biết cách phối hợp các kiến thức, kĩ năng và thao tác một cách có hệ thống.

Như vậy, có thể hiểu tích hợp bao hàm cả nội dung và hoạt động. Khoa sư phạm tích hợp nhấn mạnh dạy cách phát huy sáng tạo và cách vận dụng kiến thức vào các tình huống khác nhau, được định nghĩa như sau: “*Khoa sư phạm tích hợp là một quan niệm về quá trình học tập góp phần hình thành ở HS những năng lực rõ*

\* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

\*\* NCS, Đại học New South Wales, Australia

ràng, có dự tính trước, những điều cần thiết cho HS, nhằm phục vụ cho các quá trình học tập tương lai, hoặc nhằm hòa nhập HS vào cuộc sống lao động” [17, tr.24].

Nói một cách khác, dạy học tích hợp là dạy cho HS cách sử dụng kiến thức và kỹ năng của mình để giải quyết và ứng dụng trong những tình huống cụ thể, và với mục đích phát triển năng lực người học. Ngoài ra, dạy học tích hợp còn tạo nên mối liên hệ giữa kiến thức và kỹ năng của các chuyên ngành hoặc các môn học khác nhau để bảo đảm cho HS phát huy có hiệu quả những kiến thức và năng lực của mình trong việc giải quyết các tình huống tích hợp cụ thể.

Tại Australia, các nhà nghiên cứu đưa ra các tiêu chí quan trọng của dạy học tích hợp, bao gồm: việc học và nghiên cứu các môn học khác nhau, có thời khóa biểu linh động, giáo viên (GV) giảng dạy theo nhóm, quá trình học lấy HS làm trung tâm, có sự tương tác về trình độ giữa HS với HS, giữa HS và GV, và giữa GV với nhau. [14, tr.148]

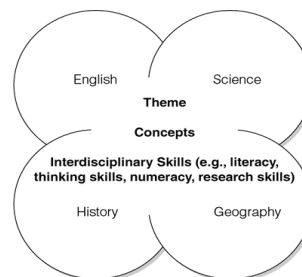
Trong dạy học tích hợp, các nhà giáo dục học phân chia ra tích hợp dọc (vertical integration) và tích hợp ngang (horizontal integration). Tích hợp dọc là “loại tích hợp dựa trên cơ sở liên kết hai hoặc nhiều môn học thuộc cùng một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực gần nhau”, còn tích hợp ngang là “tích hợp dựa trên cơ sở liên kết các đối tượng học tập, nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khoa học khác nhau” xung quanh một chủ đề. [2, tr.384-385]

Ngày nay, trên thế giới, người ta chấp nhận quan điểm phân chia dạy học tích hợp thành tích hợp dọc và tích hợp ngang trong giáo dục phổ thông từ nhà trẻ đến lớp 12 (K-12).

### 1.2. Các mô hình chương trình dạy học tích hợp

Hiện nay, trên thế giới, 3 mô hình chương trình dạy học tích hợp phổ biến nhất, là: Mô hình đa môn (interdisciplinary model), mô hình dựa trên chuỗi vấn đề (problem-based model) và mô hình dựa trên các chủ đề (theme-based model). [10]

#### 1.2.1. Mô hình đa môn (interdisciplinary model)



**Hình 1. Mô hình đa môn (interdisciplinary model) [6]**

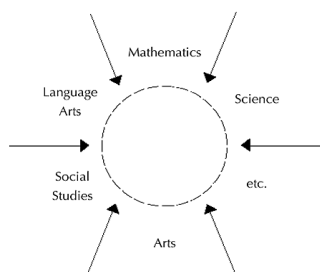
Mô hình này xây dựng chương trình học tập theo những kiến thức, kỹ năng thuộc một số môn học khác nhau. [6]

Hình 1 cho thấy sự tích hợp giữa kiến thức các môn học như tiếng Anh (English), Khoa học (Science), Lịch sử (History) và Địa lí (Geography) trong một môn học tại trường phổ thông của Mỹ.

Ví dụ. Tại một trường trung học của Mỹ, để giảng dạy chương trình tích hợp, thường có 4 GV phụ trách 110 HS. Những môn học chính, gồm: Ngôn ngữ, Toán, Khoa học, Xã hội. Mô hình này rất thích hợp cho bậc trung học phổ thông.

Ưu điểm của mô hình này là GV có thời gian làm việc cùng nhau, số lượng HS vừa phải.

**1.2.2. Mô hình dựa trên chuỗi vấn đề (problem-based model)**



**Hình 2.** Mô hình dựa trên chuỗi vấn đề [10]

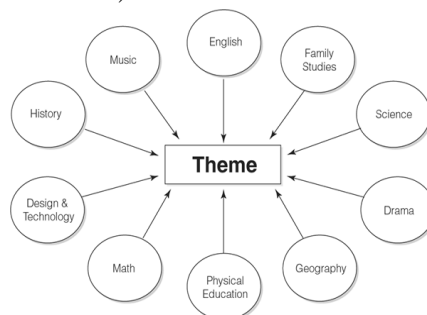
Mô hình này đòi hỏi nội dung học tập được thiết kế thành một chuỗi vấn đề, muốn giải quyết phải huy động tổng hợp kiến thức kỹ năng của những môn học khác nhau. [10]

Một ví dụ cho mô hình này là dự án giảng dạy về Công nghệ, Khoa học và Toán của hai nhà giáo dục Laporte và Sanders vào năm 1996. Mục đích của dự án này là giúp các trường trung học tại Mỹ được học Toán và Khoa học thông qua các hoạt động công nghệ. [10]

Hình 2 cho thấy một vấn đề có thể liên quan đến nhiều môn học khác nhau như Nghệ thuật (Arts), Xã hội (Social Studies), Ngôn ngữ (Language Arts), Toán (Mathematics) và Khoa học (Science)...

Mô hình này cho thấy quá trình học tập xoay quanh những mục tiêu chung cho một nhóm môn, tạo thành môn học tích hợp. Ví dụ như môn Xã hội ở bậc tiểu học tại Australia tích hợp kiến thức từ nhiều môn học khác nhau bao gồm các kiến thức về con người, sức khỏe liên quan đến môi trường xã hội.

**1.2.3. Mô hình dựa trên chủ đề (Theme-based model)**



**Hình 3.** Mô hình dựa trên chủ đề [6]

Mô hình này giảng dạy theo các chủ đề đòi hỏi GV và HS vận dụng kiến thức của nhiều môn học khác nhau. [6]

Ưu điểm của mô hình này là GV vẫn dạy một môn học, nhưng trong quá trình dạy học, GV cần vận dụng và mở rộng kiến thức của nhiều môn học liên quan khác. [10]

Mô hình này được áp dụng cho những môn học gần nhau về bản chất và mục tiêu. Trong trường hợp này, môn học tích hợp được cùng một GV giảng dạy [17]. Mô hình này rất thích hợp đối với bậc tiểu học. Hình 3 cho thấy chủ đề trong một môn học có thể liên quan đến nhiều môn học khác nhau như: Toán, Giáo dục Thể chất, Địa lí...

**2. So sánh giữa chương trình dạy học tích hợp và chương trình dạy học truyền thống (dạy một môn)**

**2.1. So sánh các đặc trưng**

Các tác giả Zhamova, Rule, Montgomery và Nielsen [18] sau khi tiến hành khảo sát và nghiên cứu về dạy học tích hợp dọc, đã đưa ra bảng so sánh - đối chiếu giữa dạy học tích hợp dọc và dạy học theo kiểu truyền thống (dạy một môn học đơn thuần) như bảng 1 dưới đây:

**Bảng 1.** So sánh giữa dạy học tích hợp và dạy học truyền thống

<b>Đặc thù</b>	<b>Dạy học tích hợp</b>	<b>Dạy học truyền thống (một môn)</b>
Hoạt động trong giờ học	Làm việc theo nhóm	Làm việc cá nhân
Phương pháp giảng dạy	Nhiều phương pháp cải tiến giảng dạy thông qua phương tiện kĩ thuật	Giảng dạy trực tiếp, ít dùng phương tiện kĩ thuật
Phương pháp phản hồi	Nhiều phản hồi tích cực từ GV	Ít phản hồi tích cực từ GV
Câu hỏi	Dựa theo sự lựa chọn của HS	Chỉ tập trung vào sự kết nối từ kiến thức đã học
Vai trò của GV	Hoạt động theo nhóm, liên môn, và cải thiện các hoạt động của HS	Kết nối kiến thức mới với kiến thức trước đó
Vai trò của HS	Được lựa chọn, quyết định, và học tập như là một thành viên trong nhóm	Theo hướng dẫn của GV, nhớ các kiến thức đã được học, làm việc một mình

Bảng 1 cho thấy ưu thế nổi bật của chương trình dạy học tích hợp so với dạy học truyền thống. Wraga [16] nhấn mạnh rằng dạy học tích hợp làm cho việc học có nhiều ý nghĩa hơn khi xét theo góc độ liên kết HS và HS, HS và GV, liên kết các môn học, độ phức hợp và giải quyết vấn đề. Trên bình diện của HS, HS cảm thấy hứng thú hơn vì được thể hiện năng lực của chính mình.

Một ưu điểm khác của chương trình dạy học tích hợp là khuyến khích HS có động cơ học tập (motivation). Marshall cho rằng chương trình tích hợp chú trọng nhu cầu tiếp thu kiến thức phù hợp với nhu cầu của HS; HS sẽ được học cái mình cần và yêu thích, người ta gọi đó là “động cơ nội tại” (intrinsic motivation). Chính vì có động cơ học tập (động cơ nội tại) mà việc học trở nên nhẹ nhàng và thích thú hơn. [11]

Ngoài ra, chương trình dạy học tích hợp có độ phức hợp cao hơn so với chương trình dạy học truyền thống, cho nên, như đã phân tích ở trên, vai trò của GV trở nên năng động và quan trọng hơn. Trong dạy học truyền thống, vai trò người GV tương đối đơn giản với việc soạn giáo án. Còn đối với dạy học tích hợp, vai trò của GV nặng nề hơn rất nhiều vì phải thực hiện nhiều công đoạn, không chỉ soạn giáo án mà còn phải thiết kế nội dung dạy học như thế nào để tạo sự liên kết các môn học một cách phù hợp theo nhu cầu của HS. Tuy nhiên, không phải GV nào cũng có thể làm được như vậy trong dạy học tích hợp. Vậy thì phải làm sao để GV thích nghi với dạy học tích hợp? Câu hỏi này được các nhà khoa học giáo dục như Virtue, Wilson, Ingram [15] nghiên cứu và đưa ra các giải pháp như sau: Nếu như GV chưa quen với dạy học tích hợp, GV cần bắt

đầu với những bài giảng ngắn, liên kết vài vấn đề đơn giản từ các môn học. Dựa trên đánh giá của HS, GV tiếp tục phát triển và hoàn thiện hơn chương trình dạy học tích hợp của mình với độ phức hợp cao hơn.

Một ưu điểm khác của chương trình dạy học tích hợp chính là để đáp ứng động cơ nội tại của HS, GV cần có những phản hồi tích cực (positive feedback) đối với HS, giúp HS có thêm nhiều trạng thái tích cực trong học tập. Chương trình dạy học tích hợp giúp HS có nhiều cơ hội làm việc theo nhóm, việc học tập và làm việc theo nhóm tạo nên bầu không khí thân thiện, đoàn kết, học hỏi lẫn nhau (share-learning).

### **2.2. Giáo viên đáp ứng như thế nào đối với dạy học tích hợp?**

Như đã nêu ở phần so sánh giữa dạy học tích hợp và dạy học truyền thống (bảng 1), vai trò của GV đóng yếu tố hết sức quan trọng trong dạy học tích hợp. Dù dạy học tích hợp dọc hay tích hợp ngang, GV cũng cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- GV cần chuyển từ dạy học truyền thống sang dạy học tích hợp, tức thay đổi phương pháp dạy học truyền thống sang dạy học tích hợp, GV không chỉ làm việc với từng HS mà làm việc với từng nhóm HS.

- GV cần bồi dưỡng thêm kiến thức liên ngành, bổ sung kiến thức giao thoa giữa các môn học.

- GV cần nắm phương pháp học và dạy theo nhóm để truyền đạt kiến thức có hiệu quả.

- GV cần xác định việc chuyển đổi chiến lược đánh giá HS từ dạy học truyền thống sang dạy học tích hợp như ra đề thi, chấm thi, đánh giá và kiểm tra sự tiến bộ của HS.

## **3. Dạy học tích hợp trong giáo dục phổ thông Australia**

### **3.1. Mục tiêu**

Australia là một quốc gia phát triển, dân số không đông (22 triệu người), có một nền giáo dục phát triển hài hòa ở các bậc học: phổ thông, đại học và dạy nghề.

Chương trình giáo dục tích hợp đã được áp dụng trong hệ thống giáo dục Australia từ nhiều thập niên cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI [4], [7], [9]. Mục tiêu của chương trình giáo dục tích hợp (tích hợp ngang và dọc) cho giáo dục phổ thông Australia được xác định rõ như sau: *Chương trình giáo dục tích hợp là hệ thống giảng dạy tích hợp đa ngành, trong hệ thống đó tầm quan trọng của việc phát triển và ứng dụng kỹ năng được chú trọng; quá trình dạy học tích hợp này bao gồm việc dạy, học và kiểm tra - đánh giá năng lực tiếp thu kiến thức cũng như ứng dụng của HS phổ thông.* [5]

### **3.2. Vai trò của giáo viên tại Australia**

GV đảm nhiệm chương trình tích hợp cần có kinh nghiệm và kiến thức của nhiều môn học. Kinh nghiệm và kiến thức của GV giúp việc giảng dạy các kỹ năng, kiến thức cho học viên luôn tối ưu trong thời gian dạy học tích hợp đã được thiết kế. [5]

Chương trình dạy học tích hợp luôn có từ hai GV trở lên đảm trách, do đó, GV cần có kỹ năng làm việc theo nhóm (team work) để cùng đồng nghiệp nâng

cao hiệu suất giảng dạy cũng như thiết kế chương trình. Làm việc theo nhóm của các giáo viên đòi hỏi nhiều thời gian cộng tác với nhau. Do đó, việc có nhiều thời gian cộng tác giúp các giáo viên đạt hiệu quả cao trong việc hợp tác, cùng trao đổi kinh nghiệm, thiết kế chương trình, kiểm tra, đánh giá và chuẩn bị nguồn tài liệu. Thực tế của làm việc theo nhóm trong thiết kế chương trình dạy học tích hợp là hết sức quan trọng và mang yếu tố quyết định.

Dạy học tích hợp không chỉ cần làm việc theo nhóm giữa các GV cùng trường mà còn với GV ở các trường khác. Việc chia sẻ và hợp tác trong chương trình dạy học tích hợp, đặc biệt giữa các GV ở các trường ở vùng sâu, vùng xa của Australia, mang lại nhiều lợi ích cho HS sống trong các khu vực này.

### ***3.3. Ưu tiên của dạy học tích hợp với các loại trường phổ thông đặc thù***

Hiện nay tại hầu hết các trường phổ thông của Australia, chương trình giảng dạy tích hợp đã được thiết kế và thường xuyên thay đổi cho phù hợp. Tuy nhiên, chính quyền liên bang đặc biệt ưu tiên và nhấn mạnh tầm quan trọng của giảng dạy tích hợp với các loại trường phổ thông đặc thù: đó là các trường ở khu vực nông thôn, xa thành thị; kể đến là các trường dành cho HS con em của thổ dân ở Australia (Aboriginal schools) và các trường dành riêng cho HS khuyết tật. [5]

Do đặc thù địa lý lãnh thổ quá rộng lớn (đứng thứ sáu trên thế giới), từ bờ Tây sang bờ Đông Australia trên 4000km, từ Bắc xuống Nam trên 3200km, cho nên có khá nhiều trường

phổ thông nằm trong khu vực nông thôn thưa thớt dân cư hoặc biệt lập trong những vùng hoang vu, hẻo lánh. Đối với các trường ở khu vực này, chương trình dạy học tích hợp thật sự rất quan trọng, vì nó giúp cho HS tiếp thu một lượng kiến thức tổng hợp trong một thời gian nhất định; cũng như định hướng cho HS tiếp tục con đường của mình trong tương lai sau khi tốt nghiệp tú tài (Higher School Certificate: HSC).

Hiện nay, tại Australia, số lượng thổ dân (Aborigines) là 517.000 người (theo thống kê của Chính phủ Australia năm 2006), các đạo luật của Chính phủ Liên bang Australia quy định khá nhiều ưu tiên đối với các trường dành cho con em thổ dân (Aboriginal schools), chương trình dạy học tích hợp đặc biệt chú trọng đến việc dạy học tiếng Anh cho con em thổ dân; vì lí do lịch sử, nên nhiều con em thổ dân không thông thạo ngôn ngữ thứ hai là tiếng Anh. Ngoài ra, dạy học tích hợp còn nâng cao việc truyền đạt sự giao thoa văn hóa của thổ dân với cộng đồng xã hội Australia đương đại.

Đối với các trường dành cho HS khuyết tật, chương trình dạy học tích hợp phát huy rất tốt việc tích lũy kiến thức cho HS, và đặc biệt chú trọng đến việc định hướng cho HS học tiếp một ngành nghề phù hợp sau khi tốt nghiệp tú tài. Với vốn kiến thức tích lũy được, HS khuyết tật có thể học tiếp ở các trường dạy nghề (Technical And Further Education: TAFE) hoặc học tiếp ở đại học...

### ***3.4. Các đặc thù trong chương trình giáo dục tích hợp tại Australia***

### 3.4.1. Đặc thù văn hóa châu Á

Do đặc điểm của xã hội Australia gần gũi về mặt địa lí và văn hóa của châu Á, nên từ năm 2000, chương trình dạy học tại các trường phổ thông Australia luôn được tích hợp với các yếu tố của châu Á như:

- Các chương trình dạy học tích hợp liên quan đến một số nước châu Á tiêu biểu;

- Yếu tố văn hóa và triết học mang màu sắc châu Á;

- Yếu tố giao thoa bắt cầu giữa văn hóa Australia và châu Á, bao gồm các yếu tố giống và khác nhau giữa văn hóa Australia và châu Á;

- Các chương trình dạy học tích hợp giúp HS hiểu thêm về châu Á thông qua các yếu tố tích hợp về lịch sử, địa lí, văn học của châu Á. [8]

### 3.4.2. Đặc thù đa ngôn ngữ

Do đặc thù của xã hội Australia là đa văn hóa và đa ngôn ngữ, nên số lượng HS phổ thông có “nguồn gốc nước ngoài” (tức là cha mẹ từ nước ngoài đến định cư tại Australia và các HS này sinh ra và lớn lên và học tập tại Australia) chiếm tỉ lệ ngày càng cao. Vì vậy, chương trình dạy học tích hợp cho đối tượng này cũng được đặt ra nhằm giúp các HS này nắm vững tiếng Anh - ngôn ngữ chính của Australia - trong sự “giao thoa” với ngôn ngữ mẹ đẻ của cha mẹ HS. [12]

Mặc dù tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức ở Australia, nhưng trong thập niên 60 của thế kỉ XX, chương trình dạy học tích hợp các ngôn ngữ ngoài tiếng Anh (Language Other Than English:

LOTE) ở các trường phổ thông công lập và tư thục của Australia bước đầu được triển khai, chủ yếu dạy tiếng Pháp và tiếng Đức. Đến thế kỉ XXI, nhiều ngôn ngữ khác được đưa vào giảng dạy. Tại tiểu bang Queensland đã có 10 trường phổ thông áp dụng chương trình dạy học tích hợp từ các ngôn ngữ mẹ đẻ của HS như các thứ tiếng: Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ý, Nhật, Indonesia và Trung Quốc. Chương trình dạy học tích hợp này được phụ huynh tại Queensland phản hồi khá tích cực và đang được nhân rộng. [12]

Ví dụ, tại một trường phổ thông công lập tại tiểu bang Queensland, chương trình tích hợp dạy bằng tiếng Đức với ba môn học chính là Toán, Khoa học, Khoa học - Xã hội và Môi trường cho các lớp 8, 9, và 10 đã được đưa vào giảng dạy và đạt nhiều thành công. [12]

## 4. Chương trình tích hợp giáo dục bền vững trong các môn học (Lịch sử và Khoa học - Công nghệ)

### 4.1. Giáo dục bền vững ở Australia (Sustainability Education)

Giáo dục bền vững ở Australia được xây dựng trên các lĩnh vực của giáo dục môi trường hơn 30 năm qua, bao gồm các yếu tố về môi trường, xã hội và kinh tế.

Giáo dục bền vững ở Australia được Bộ Giáo dục Australia quy định dạy thống nhất từ nhà trẻ cho đến lớp 12 (K-12). Giáo dục bền vững được đưa vào giảng dạy thông qua cung cấp kiến thức về môi trường và hệ thống liên quan đến con người. Tuy nhiên, với chủ trương dạy học tích hợp, giáo dục bền vững được tích hợp thông qua sự lồng ghép vào các môn học khác nhau.

**4.2. Tích hợp giáo dục bền vững với môn Lịch sử (lớp 10-11)**

Để có thể tìm hiểu một cách cụ thể việc dạy học tích hợp, chúng tôi cung cấp mục tiêu tích hợp giáo dục bền vững vào môn Lịch sử như sau:

- Trường phổ thông cung cấp kiến thức liên ngành và có hệ thống cho HS, đồng thời xem đây là một phần của chương trình giáo dục phổ thông thống nhất và hoàn chỉnh từ nhà trẻ đến 12 (K-12);
- Xây dựng kỹ năng cho phép HS sử dụng kiến thức về giáo dục bền vững (môi trường xã hội...) để nghiên cứu, lập

đề cương, thuyết trình cho môn Lịch sử;

- Cho phép HS có được các quan điểm riêng về lịch sử dựa trên các kiến thức về môi trường và xã hội;
- Tạo điều kiện cho HS được học về thổ dân Australia, mối quan hệ giữa thổ dân với xã hội, di sản và văn hóa Australia;
- Giúp HS tìm hiểu các mối quan hệ giữa các cộng đồng dân cư với môi trường thiên nhiên của Australia, để có những ý tưởng cho các giải pháp phát triển bền vững;
- Giúp tăng tính hợp tác và tương trợ của HS trong cộng đồng dân cư.

**Bảng 2. Một phần khung chương trình môn Lịch sử lớp 10 – 11 của tiểu bang NSW, Australia**

Nội dung môn Lịch sử	Kỹ năng và kiến thức	Kiến thức của giáo dục bền vững
<p>- Đánh giá về mặt lịch sử và quá trình thay đổi lịch sử</p>	<p>- HS xác định các thời kỳ chính của các thời đại lịch sử thông qua con người và các sự kiện trong thời điểm lịch sử cụ thể  <i>Ví dụ:</i> Sông Nile là trung tâm của xã hội Ai Cập, cung cấp nước ngọt, giao thông và tài nguyên. HS sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo để trả lời các câu hỏi sau:                      + Các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên nào đã giúp cho Ai Cập đóng vai trò nổi bật ở khu vực Trung Đông?                      + Các tài nguyên khoáng sản nào ở Ai Cập?                      HS sau khi kiểm tra đối chiếu các câu trả lời sẽ:                      + Lập các giả thuyết dựa trên tầm quan trọng của địa lí, địa hình và tài nguyên của Ai Cập thời cổ đại từ các chứng cứ                      + Xác lập một cái nhìn tổng quan về mặt địa lí dựa trên tầm quan trọng của sông Nile đối với xã hội Ai Cập cổ đại                      + Xác định các nguồn tài liệu tham khảo để củng cố lập luận nêu trên                      + HS miêu tả những nét đặc trưng quan trọng của văn hóa thổ dân trước khi người da trắng đến Australia. Giải thích các phương cách thổ dân và những tộc người khác liên hệ với nhau  <i>Ví dụ:</i> HS thiết kế các bài thuyết trình miêu tả các mối đe dọa đối với văn hóa và di sản của thổ dân. HS cần dùng những gợi ý cho thuyết trình như sau:                      + Di sản truyền thống của người thổ dân                      + Sự xói mòn về kinh tế và tinh thần                      + Sự biến đổi về văn hóa</p>	<p>- Nghiên cứu về bảo tồn di sản văn hóa, và môi trường thiên nhiên</p>



**4.3. Bài học tích hợp**

**4.3.1. Bài học tích hợp cụ thể tại Australia**

Để minh họa cho bài học tích hợp cụ thể, chúng tôi sử dụng bảng miêu tả nội dung bài học “Đa dạng sinh học” (Biodiversity) thuộc môn học Khoa học - Công nghệ (Science and Technology) tích hợp với giáo dục bền vững (Sustainability education).

**Bảng 3. Nội dung môn học “Đa dạng sinh học” (lớp 4-5)**

Mục tiêu	Nội dung bài học	Ghi chú
<p>- Phát triển tầm hiểu biết của HS về đa dạng sinh học và sự suy thoái của đa dạng sinh học</p> <p>- Đánh giá tầm quan trọng của đa dạng sinh học và con người có thể giúp làm giảm những mối đe dọa đến đa dạng sinh học</p> <p>- Bài học được xây dựng bằng các hoạt động, trò chơi nhằm giúp HS hiểu được tầm quan trọng của đa dạng sinh học</p>	<p>1. <i>Quan sát và khám phá</i> (đặt câu hỏi, nêu vấn đề, tìm tòi kiến thức):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc/nghiên cứu những vấn đề môi trường có mối liên quan đến đa dạng sinh học, ví dụ như ô nhiễm môi trường, đất đai suy kiệt...</li> <li>- Lập khái niệm về đa dạng sinh học</li> <li>- HS sưu tập các động vật sống trong ao hồ và lập bảng thông tin tìm hiểu</li> </ul> <p>2. <i>Lập giả thuyết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS dự đoán nơi nào HS sẽ tìm được sinh vật nhỏ nhất trong môi trường của mình</li> <li>- Lập giả thuyết về địa điểm có nhiều đa dạng sinh học nhất</li> </ul> <p>3. <i>Thu thập và báo cáo</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS được đưa đến một địa điểm cụ thể để khảo sát</li> <li>- Khảo sát các loài sâu bọ trên các cây cối ở sân trường</li> <li>- Các kết quả khảo sát được ghi chép lại, kèm theo các mẫu vật đính kèm</li> </ul> <p>4. <i>Phân tích và đưa ra kết luận</i></p> <p>5. <i>Tiến hành thiết kế báo cáo để nêu ra khái niệm về đa dạng sinh học</i></p> <p>6. <i>Các bước kiểm tra bài học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thuyết trình trước lớp (oral presentation) về báo cáo đã làm được</li> <li>- Phản hồi về đa dạng sinh học: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về đa dạng sinh học</li> <li>- Phát triển kế hoạch cho việc cải thiện đa dạng sinh học tại địa phương của HS: Trình bày đề cương cho việc cải thiện đa dạng sinh học ở địa phương HS và các bước khả thi để thực hiện đề cương đó</li> <li>- Tổng kết nội dung bài học: HS tổng hợp lại kiến thức thu thập được trong bản báo cáo. HS thuyết trình những gì đã học trước lớp.</li> </ul>	<p>- Bài học này được thiết kế cho trường học nhỏ, ở nông thôn Australia</p> <p>- Bài học này được thiết kế học trong khoảng 10 tuần</p>

Các kiến thức liên quan đến đa dạng sinh học được GV hướng dẫn cho HS tự tìm hiểu thông qua một loạt các hoạt động như đã miêu tả trong bảng 3. Các kỹ năng của HS được phát huy tối đa như kỹ năng thuyết trình trước lớp học, kỹ năng viết báo cáo, lập đề cương, kỹ năng phân tích - tổng hợp trả lời câu hỏi trắc nghiệm, kỹ năng khảo sát ngoài thiên nhiên...

Bài học nêu trên, ngoài phần luyện tập kỹ năng, có cả phần hình thành khái niệm về “đa dạng sinh học” thông qua các hoạt động tự tìm tòi và khám phá của HS. Bài học như thế sẽ tạo cho HS hứng thú và động cơ học tập, không bị nhàm chán với “thầy đọc - trò chép” hoặc “thầy giảng - trò nghe” của lớp học truyền thống.

Như vậy, kiến thức từ giáo dục bền vững đã được tích hợp xuyên suốt trong bài học “đa dạng sinh học”, giúp HS tiếp thu kiến thức qua sự hướng dẫn của GV dựa trên nội dung bài học.

#### **4.4. Hiệu quả của chương trình tích hợp**

Qua hai chương trình dạy học tích hợp minh họa ở trên, chúng ta thấy chương trình dạy học tích hợp giáo dục bền vững với môn Lịch sử và môn Khoa học - Công nghệ đã chứng minh sự phối hợp những môn học khác nhau bằng cách

thiết kế các chủ đề học thích hợp với HS và cả GV giảng dạy. Chương trình này hoàn toàn thích hợp với giáo dục phổ thông, vì nội dung giảng dạy luôn được bổ sung lẫn nhau giữa các môn học bằng các hoạt động của HS để cùng tìm hiểu về chủ đề bài học. Đặc biệt đối với tích hợp giữa giáo dục bền vững và môn Khoa học - Công nghệ ở tiểu học (lớp 4-5) rất có ích đối với HS, vì chủ đề học khá đơn giản, dễ hiểu và dễ ứng dụng.

#### **5. Kết luận**

Quá trình dạy học tích hợp trong giáo dục phổ thông tại Australia được xây dựng trên nền tảng xã hội đa văn hóa, đa chủng tộc. Chính quyền Liên bang Australia rất chú ý các đặc thù về văn hóa, ngôn ngữ, xã hội riêng biệt của Australia để thiết kế chương trình dạy học tích hợp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc phổ thông. Với những thành tựu của dạy học tích hợp tại Australia, chúng ta có thể tham khảo để xây dựng mô hình dạy học tích hợp phù hợp và hiệu quả đối với nền giáo dục Việt Nam. Dạy học tích hợp là rất cần thiết cho việc đổi mới phương pháp dạy học, bao gồm cả thay đổi đồng bộ về biên soạn giáo trình, đánh giá, kiểm tra, tổ chức thi, đào tạo GV ở các trường sư phạm.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Mạnh Cường (2011), *Năng lực thực hiện và dạy học tích hợp trong đào tạo nghề*, Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục Chuyên nghiệp.
2. Bùi Hiền (2001), *Từ điển giáo dục học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
3. Trần Bá Hoàn (2002), “Dạy học tích hợp”, <http://ioer.edu.vn>.
4. Bea

5. ne, J. (1995), "Curriculum Integration and the Disciplines of knowledge", *Phi DeltaKappan*, Vol. 76 April, pp.616-622.
6. Curriculum Council (2008), *Integrated approaches to teaching and learning in the senior secondary school*, WACE.
7. Drake, M.S., Burns, R. (2004), *Meeting standards through integrated curriculum*, ASCD.
8. Dufficy, P. (2005), "Designing learning for diverse classrooms", Chapter 3 *Guiding Principles for Designing Learning*, pp 25-36, Newtown, New South Wales: Primary English Teachers Association.
9. Grant, P., Paige, K. (2007), "Curriculum integration: A trial", *Australian journal of teacher education*, Vol. 32, Issue 4.
10. Lake, K. (2004), "Integrated Curriculum", *School Improvement Research Series Close up*, Vol 8, No 16, <http://www.nwrel.org/scpd/sirs/8/c016.html> Accessed 16/01/06.
11. Loeep, F. L., (1999), "Models of curriculum integration", *The journal of Technology studies*, Summer Volume.
12. Marshall, J. (2005), "Connecting arts, learning, and creativity: A case for curriculum integration", *Studies in Art education*, 46(3), 227-241.
13. Smala, S. (2009), "Introducing content and language integrated learning", *New Literacy in globalised world*, Vol 17, No 3.
14. Todd, R. J. (1995), "Integrated information skills instruction: Does it make a difference", *SLMW*. Vol 3, No 2.
15. Venville, G & Dawson, V. (2004), "Integration of science with other learning areas", *The Art of Teaching Science*, pp146-161. Crows Nest, New South Wales, Australia: Allen & Unwin.
16. Virtue, D.C., Wilson, J. L. & Ingram, N. (2009), "In overcoming obstacles to curriculum integration, less can be more!", *Middle school Journal*, 40 (3), 4-11.
17. Wraga, W.G. (2009), Toward a connected core curriculum. *Educational Horizon*, 87(2), 88-96.
18. Roegirs, X. (1996), *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, Nxb Giáo dục, (biên dịch: Đào Ngọc Quang, Nguyễn Ngọc Nhi).
19. Zhanova, K.S., Rule, A.C., Montgomery, S.E., Nielsen, L.E., (2010), "Defining the difference: Comparing integrated and traditional single-subject lesson", *Early Childhood Education*, 38-251-258.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-12-2012; ngày phản biện đánh giá: 25-12-2012;  
ngày chấp nhận đăng: 28-12-2012)